

Công ty cổ phần đầu tư
Việt Việt Nhật
Số: 07/2018/TB-CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Mã chứng khoán: VNH

Trụ sở chính: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B,
Q. Bình Tân, TP HCM .

Điện thoại: 083.7652475

Fax: 083.7653275

Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tuyết Lan

Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Q.
Bình Tân, TP HCM .

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 083.7652475

Fax: 083.7653275

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin giải trình khắc phục nguyên nhân
hạn chế giao dịch và báo cáo tài chính quý 1 của Công ty Việt Việt Nhật.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Công văn số : 02/CV-VN.18.

- Công văn số: 151/C46-P13.

- BCTC quý 1 năm 2018.

Người thực hiện công bố thông tin

Cao Tuyết Lan

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**
Số : 02/CV-VN.18

Về việc: giải trình Báo cáo tài chính
Năm 2017 và báo cáo Quý I năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2018

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật – Mã Chứng khoán: VNH – Trụ sở Công ty tại: Lô 59A/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện: Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Xin giải trình Báo cáo tài chính năm 2017 và Quý I năm 2018, cụ thể như sau:

Theo Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật âm vốn chủ sở hữu 4.333.281.319 đồng là do Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn 11.645.402.650 đồng. Thực tế, khoản thu này được trích lập dự phòng chưa phù hợp với dự toán khả năng không thu được, nên Hội đồng Quản trị thống nhất không trích lập dự phòng khoản phải thu này được thể hiện trên Báo cáo Quý I năm 2018 có khả năng thu hồi trong Quý IV năm 2018 và đang được phối hợp của Cơ quan cảnh sát Điều tra (C46) – Bộ công an. Hiện nay vốn chủ sở hữu của Công ty còn dương 7.833.160.008 đồng.

Công ty chúng tôi xin báo cáo đến quý Ủy ban và Sở giao dịch Chứng khoán được rõ.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP Cty.

TM. CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THỊ TUYẾT TRINH

**TỔNG CỤC CẢNH SÁT
CỤC CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TỘI PHẠM
VỀ KINH TẾ VÀ THAM NHŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151 /C46-P13

TP Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2018

Về việc đề nghị cung cấp tài liệu.

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng, Bộ Công an đang thụ lý, xác minh đơn của ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật tố giác hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật của ông Nguyễn Văn Nhựt - Nguyên Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc và bà Trần Thị Thúy, kế toán kiêm Thủ quỹ Công ty.

Căn cứ Điều 5 Bộ Luật tố tụng hình sự Nước CHXHCN Việt Nam.

Căn cứ Quyết định phân công Điều tra viên giải quyết nguồn tin về tội phạm số 05/CQĐT-C46 ngày 06/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Căn cứ yêu cầu điều tra; Đề nghị Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật giải trình và cung cấp tài liệu có liên quan theo nội dung sau:

Hồ sơ pháp lý công ty, tài liệu chứng từ liên quan đến việc góp vốn, thoái vốn, cho vay (nếu có) ở Công ty Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật (nay là Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật) và chứng từ liên quan đến việc mua, bán nguyên liệu cá, thủy hải sản, thuê kho lưu trữ dẫn đến thua lỗ hơn 66 tỷ đồng từ năm 2013 đến năm 2016.

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng cử Điều tra viên Lê Tiến Dũng, Nguyễn Khánh Phương trực tiếp đến làm việc và thu thập tài liệu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Duy Ngọc, PTCT kiêm CT, (để báo cáo);
- Viện KSNDTC (vụ 3);
- Lưu hồ sơ.

**KT CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đại tá Giang Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật – Tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã mười lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 86.800.000.000 đồng tương đương 8.680.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là VNH theo Quyết định số 62/QĐ-SGDHCM của. Tại ngày 23 tháng 03 năm 2017, Công ty đã chính thức bị hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Quyết định số 48/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho đăng ký giao dịch từ ngày 24 tháng 03 năm 2017 với mã chứng khoán VNH.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	27/03/2017	-
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch	10/05/2007	27/03/2017
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên	14/08/2013	28/02/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	14/08/2013	04/03/2017
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên	14/08/2013	02/03/2017
Ông Trần Công Thơ	Thành viên	14/08/2013	02/03/2017
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên	27/03/2017	-
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên	27/03/2017	-
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Thành viên	27/03/2017	-

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Tổng Giám đốc	16/05/2017	-
Ông Trần Quang Minh	Tổng Giám đốc	01/01/2015	25/04/2017
Ông Tô Hiếu Thuận	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2017	-
Ông Nguyễn Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2017	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Việt Nam

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Ngoài ra trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty là cho thuê bất động sản, hoạt động chế biến xuất khẩu bất động sản không còn được duy trì. Bên cạnh đó, Công ty đã bị cơ quan thuế phong tỏa hóa đơn do không thực hiện đúng các quy định về việc sử dụng và quản lý hóa đơn.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ngiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

7. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị của Công ty, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị,



Ông Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12,656,986,124	507,044,797
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16,273,747	24,814,797
1. Tiền	111		16,273,747	24,814,797
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12,639,440,529	482,230,000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11,645,402,650	11,645,402,650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		994.037.879	793,037,879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(11,956,210,529)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,271,848	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,271,848	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.656.986.124	507,044,797
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4,823,826,116	4,740,326,116
I. Nợ ngắn hạn	310		4,823,826,116	4,740,326,116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2,152,746,462	2,152,746,462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		774,865,493	699,865,493
4. Phải trả người lao động	314		228,500,000	220,000,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1,667,714,161	1,667,714,161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			

2207804-
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
VIỆT NHÀ
V. TP. HỒ C

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7,833,160,008	(4,233,281,319)
I. Vốn chủ sở hữu	410		7,833,160,008	(4,233,281,319)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,230,710,000	80,230,710,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,230,710,000	80,230,710,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,608,854,848	1,608,854,848
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74,006,405,140)	(86,072,846,167)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(86,072,846,167)	(86,072,846,167)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,066,441,327	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12,656,986,124	507,044,797

Lập, Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo TT200/2014 /QĐ-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Đơn vị: VND

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		750,000,000	-	750,000,000	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		750,000,000	-	750,000,000	0
4. Giá vốn hàng bán	11		495,000,000	12,725,753	495,000,000	12,725,753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10-11)	20		255,000,000	(12,725,753)	255,000,000	-12,725,753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,266	29,068	3,266	29,068
7. Chi phí tài chính	22				0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-11,811,438,061	162,730,300	-11,811,438,061	162,730,300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12,066,441,327	(175,426,985)	12,066,441,327	(175,426,985)
11. Thu nhập khác	31		0	-	0	0
12. Chi phí khác	32		0	15,383,056	0	15,383,056
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	(15,383,056)	0	(15,383,056)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12,066,441,327	(190,810,041)	12,066,441,327	(190,810,041)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12,066,441,327	(190,810,041)	12,066,441,327	(190,810,041)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,504		1,504	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			(24)		(24)

30220
CÔNG
CỔ P
ĐẦU
VIỆT VI
BÌNH TÂN

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT
 Lô A59/I, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc,
 phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. HCM

MÃ SỐ B03-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				31/03/2018	31/12/2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		12,066,441,327	(12,272,886,398)
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02			
-	Các khoản dự phòng	03		(11,956,210,529)	8,783,310,998
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(42,679)
-	Chi phí lãi vay	06			
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			110,230,798	(3,489,618,079)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(331,271,848)	1,720,480,048
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10			5,724,183,304
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		212,500,000	(3,966,735,896)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12			1,000,000
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,541,050)	(10,690,623)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác				
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác				
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			42,679
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	42,679



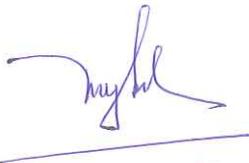
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				31/03/2018	31/12/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu				
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành				
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50		(8,541,050)	(10,647,944)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60		24,814,797	35,462,741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi		61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm		70		16,273,747	24,814,797

Người lập
(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)



Huỳnh Thị Tuyết Trinh

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật– Tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã mười lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 86.800.000.000 đồng tương đương 8.680.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VNH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến. Bán buôn thực phẩm chức năng. Bán buôn chè. Nuôi cá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông- lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chi tiết: Sản xuất hàng hóa nông- lâm sản. Chê biến và bảo quản rau quả. Mua bán cá và thủy sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công, lắp đặt thiết bị truyền thông. Thi công, lắp đặt thiết bị điện; Thi công, lắp đặt đường dây tải điện; Thi công, lắp đặt máy biến thế, biến áp; Thi công, lắp đặt đường dây cao thế, cao áp;

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, xưởng hoạt động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại lô A59/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có hai văn phòng đại diện là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại TP. Hồ Chí Minh tọa lạc tại số 586 Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại An Giang tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 07 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 07 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Trong năm, Công ty tiến hành thanh lý hết hàng tồn kho do đã hư hỏng không còn khả năng bán ra bên ngoài. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty cũng đã thay đổi từ kinh doanh, chế biến thủy hải sản sang cho thuê kho, xưởng sản xuất. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh biến động đột biến so với năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.5 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả chonhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.6 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.7 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.8 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	: 0%
Gia công	: 5%
Hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ nội địa	: 10%
Thủy hải sản	: Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác

Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	31/03/2018	31/12/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	12.063.967	20.291.283
Tiền gửi ngân hàng	4.229.780	4.523.514
Cộng	16.273.747	24.814.797

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

Khoản phải thu từ bán hàng cho Oceanica Group International tại ngày 31/03/2018 và 01/01/2017.

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	683.230.000	-	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Ntaco	683.230.000	-	482.230.000	-
Phải thu cá nhân khác	310.807.879	(310.807.879)	310.807.879	(310.807.879)
Trần Thị Liên	310.807.879	(310.807.879)	310.807.879	(310.807.879)
Cộng	994.037.879	(310.807.879)	793.037.879	(310.807.879)

5.4 Nợ xấu

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Oceanica Group International	-	-	11.645.402.650	-
Trần Thị Liên	-	-	310.807.879	-
Cộng	-	-	11.956.210.529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là như sau:

	31/03/2018	31/12/2017
	VND	VND
Số đầu năm	11.956.210.529	310.807.879
Hoàn nhập dự phòng trong năm	11.956.210.529	-
Dự phòng bổ sung trong năm	-	11.645.402.650
Số cuối năm	11.956.210.529	11.645.402.650

5.5 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2018	31/12/2017
	VND	VND
Phải trả bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.152.746.462	2.152.746.462
Công ty TNHH Chế biến Thương mại Dịch vụ Yển Ngân	776.191.662	776.191.662
DNTN Thương mại Hồng Phú	525.820.000	525.820.000
DNTN Sản xuất và Thương mại Phước Kim Long	241.327.000	241.327.000
Công ty Liên doanh bột Quốc Tế	200.000.200	200.000.200
DNTN Đức Danh	150.112.600	150.112.600
Công ty TNHH Vina Foods Kyoiei	146.995.000	146.995.000
Ngô Nhật Quế Trân	90.300.000	90.300.000
Các nhà cung cấp khác	22.000.000	22.000.000
Cộng	2.152.746.462	2.152.746.462

5.6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phát sinh trong năm		31/03/2018
	VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	192.500.000	-	-	267.500.000
Các loại thuế khác	507.365.493	-	-	507.365.493
Cộng	699.865.493	-	-	774.865.493

Thuế giá trị gia tăng

Trong năm, theo Quyết định số 21/QĐ-C-CC ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Công ty không còn giá trị sử dụng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa được Cục thuế TP. Hồ Chí Minh gỡ bỏ lệnh cưỡng chế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định trong quý không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

5.7 Phải trả người lao động

Là khoản lương giữ lại phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

5.8 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.667.714.161	1.667.714.161
Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	173.362	173.362
Bà Nguyễn Thị Tám ^(*)	1.609.628.000	1.609.628.000
Công ty Cổ phần Đồ hộp Tấn Phát	-	-
Cộng	1.667.714.161	1.667.714.161

(*) Số tiền phải trả Bà Nguyễn Thị Tám liên quan đến việc ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba – Bà Nguyễn Thị Tám - cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng mượn quyền sử dụng đất số 25/11/HĐ-VSC ngày 29 tháng 12 năm 2011.

5.9 Vốn chủ sở hữu**5.9.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	(49.943.301.127)	31.896.263.721
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(23.856.658.642)	(23.856.658.642)
Số cuối năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	(73.799.959.769)	8.039.605.079
Số đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(73.799.959.769)	8.039.605.079
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(12.272.886.398)	(12.272.886.398)
Số cuối năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(86.072.846.167)	(4.233.281.319)

5.9.2 Cổ phiếu

	31/03/2018 VND	31/12/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.860.000	8.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.023.071	8.023.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	31/03/2018	31/03/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu cho thuê kho	750.000.000	-
Tổng doanh thu	750.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	750.000.000	-

6.2 Giá vốn hàng bán

	31/03/2018	31/03/2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn cho thuê kho ^(*)	495.000.000	12.725.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	495.000.000	12.725.753

(*) Toàn bộ giá vốn cho thuê xưởng là chi phí thuê của bên liên quan thuê – Công ty Cổ phần Ntaco.

6.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2018	31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	127.000.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	(11.956.210.529)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	17.772.468	162.730.300
Cộng	(11.811.438.061)	162.730.300

6.4 Thu nhập khác

	31/03/2018	31/03/2017
	VND	VND
Lãi thanh lý TSCĐ	-	-
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	-
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

6.5 Chi phí khác

	31/03/2018 VND	31/03/2017 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế bị truy thu, phạt hành chính	-	-
Xử lý công nợ	-	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	-	-

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/03/2018 VND	31/03/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.066.441.027	(190.810.041)
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty đã trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo các quy định hiện hành.

6.7 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	31/03/2018 VND	31/03/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	12.066.441.027	(190.810.041)
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.066.441.027	(190.810.041)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.504	(24)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	2017	2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.023.071	8.023.071

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro thanh khoản là cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng với các phương án tái cấu trúc hoạt động, thay đổi ngành nghề cùng với việc cho thuê kho thì Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

iv. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 03 năm 2018.

v. Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

vi. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

7.2 Thông tin bộ phận

7.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

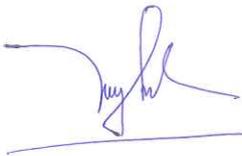
Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cho thuê xưởng. Do đó, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán PKF.



HUỖNH THỊ TUYẾT TRINH
Người lập



HUỖNH THỊ TUYẾT TRINH
Phụ trách kế toán



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

